

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

11-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	11.01.09	Toán	16.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
2	11.01.13	Toán	16.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
3	11.01.20	Toán	19.000	Ba	11	THCS và THPT Đông Du
4	11.01.07	Toán	20.000	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
5	11.01.11	Toán	19.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
6	11.01.18	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
7	11.01.03	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
8	11.01.16	Toán	25.500	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
9	11.01.06	Toán	31.000	Nhất	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
10	11.01.02	Toán	19.500	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
11	11.01.05	Toán	20.500	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
12	11.01.08	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
13	11.01.14	Toán	27.000	Nhì	12	THCS và THPT Đông Du
14	11.01.17	Toán	18.000	Ba	12	THCS và THPT Đông Du
15	11.01.19	Toán	16.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
16	11.02.11	Vật lí	17.500	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
17	11.02.03	Vật lí	14.750	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
18	11.02.04	Vật lí	11.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
19	11.02.02	Vật lí	13.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
20	11.02.06	Vật lí	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
21	11.02.12	Vật lí	14.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
22	11.02.05	Vật lí	13.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
23	11.02.01	Vật lí	17.500	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
24	11.02.16	Vật lí	17.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
25	11.02.17	Vật lí	18.750	Nhì	12	THCS và THPT Đông Du
26	11.02.19	Vật lí	16.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
27	11.03.01	Hoá học	22.250	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
28	11.03.14	Hoá học	23.875	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

11-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	11.03.16	Hoá học	29.250	Nhất	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
30	11.03.19	Hoá học	16.875	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
31	11.03.02	Hoá học	23.375	Nhì	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
32	11.03.07	Hoá học	22.250	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
33	11.03.17	Hoá học	16.375	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
34	11.03.12	Hoá học	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
35	11.03.18	Hoá học	16.875	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
36	11.03.04	Hoá học	17.625	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
37	11.03.15	Hoá học	15.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
38	11.03.10	Hoá học	17.250	K.Khích	12	THCS và THPT Đông Du
39	11.03.03	Hoá học	17.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
40	11.03.11	Hoá học	17.875	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
41	11.03.06	Hoá học	22.500	Nhì	12	THPT Trần Quốc Tuấn
42	11.03.13	Hoá học	24.375	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
43	11.04.04	Sinh học	24.500	Nhì	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
44	11.04.08	Sinh học	19.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
45	11.04.02	Sinh học	19.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
46	11.04.17	Sinh học	20.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
47	11.04.14	Sinh học	18.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
48	11.04.20	Sinh học	18.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
49	11.04.05	Sinh học	19.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
50	11.04.11	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
51	11.04.15	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
52	11.05.15	Tin học	20.530	Nhì	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
53	11.05.07	Tin học	24.180	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
54	11.05.01	Tin học	14.800	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
55	11.05.14	Tin học	16.257	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
56	11.05.02	Tin học	13.710	K.Khích	11	THPT Lê Lợi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

11-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	11.05.04	Tin học	15.770	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
58	11.05.13	Tin học	15.700	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
59	11.05.20	Tin học	15.748	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
60	11.05.10	Tin học	24.860	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
61	11.05.11	Tin học	16.255	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
62	11.05.05	Tin học	17.660	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
63	11.05.12	Tin học	23.920	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
64	11.06.14	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
65	11.06.06	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
66	11.06.02	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
67	11.06.15	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
68	11.06.16	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
69	11.06.17	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
70	11.06.09	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
71	11.06.07	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
72	11.06.04	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
73	11.06.12	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
74	11.06.11	Ngữ văn	12.250	K.Khích	11	THCS và THPT Đông Du
75	11.06.03	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
76	11.06.18	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THCS và THPT Đông Du
77	11.06.19	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
78	11.06.20	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Cư M'gar
79	11.06.08	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
80	11.06.05	Ngữ văn	13.750	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
81	11.06.10	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
82	11.07.04	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
83	11.07.19	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự
84	11.07.03	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT số 1 Nguyễn Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

11-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	11.07.16	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
86	11.07.06	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
87	11.07.07	Lịch sử	14.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
88	11.07.15	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
89	11.07.13	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
90	11.07.10	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT Võ Nguyên Giáp
91	11.07.12	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT Trần Suyễn
92	11.07.18	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT Trần Suyễn
93	11.07.09	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Phạm Văn Đồng
94	11.07.01	Lịch sử	17.500	Nhất	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
95	11.07.17	Lịch sử	17.000	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
96	11.08.13	Địa lí	15.250	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
97	11.08.16	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
98	11.08.10	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
99	11.08.20	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự
100	11.08.03	Địa lí	13.000	K.Khích	12	PTDTNT THPT Đam San
101	11.08.18	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du

Danh sách này gồm 101 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

11-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	11.09.18	Tiếng Anh	3.50	3.70	4.80	1.30	13.300	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Du
2	11.09.19	Tiếng Anh	3.50	2.90	4.90	1.50	12.800	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Chánh
3	11.09.12	Tiếng Anh	3.30	2.80	5.70	1.50	13.300	K.Khích	THPT Trần Phú
4	11.09.13	Tiếng Anh	3.80	2.70	5.90	1.60	14.000	Ba	THPT Chuyên Nguyễn Du
5	11.09.01	Tiếng Anh	3.60	3.80	4.80	1.10	13.300	K.Khích	THCS và THPT Đông Du
6	11.09.09	Tiếng Anh	3.20	3.20	5.40	1.70	13.500	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Chánh
7	11.09.10	Tiếng Anh	3.60	4	5.60	1.20	14.400	Ba	THPT chuyên Lương Văn Chánh
8	11.09.16	Tiếng Anh	3.30	4	4.80	1.50	13.600	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Chánh
9	11.09.05	Tiếng Anh	3.50	3.20	5	1.20	12.900	K.Khích	THPT chuyên Lương Văn Chánh
10	11.09.15	Tiếng Anh	3.90	3.90	5.20	1	14.000	Ba	THPT Chuyên Nguyễn Du
11	11.11.04	Tiếng Pháp	6.50	2.50	3.90	1.7	14.600	Nhì	THPT Chuyên Nguyễn Du
12	11.11.05	Tiếng Pháp	5.10	2.25	2.60	1.4	11.350	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Du
13	11.11.06	Tiếng Pháp	4.35	2.25	2.90	1.75	11.250	K.Khích	THPT Chuyên Nguyễn Du

Danh sách này gồm 13 thí sinh